TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS -ST
Ngày 05 tháng 4 năm 2021.
" V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mai Hương –Thư ký TAND thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở TAND thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-DS ngày 22/1/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 08/2/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 05/3/2021 giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh Bùi Văn D – sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã T Dĩnh, huyện LG, tỉnh B.

(Có mặt)

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Hà Tr – sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 05, ngõ 3, tổ Hướng, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B.

(Có mặt tại phiên tòa 05/3/2021, vắng mặt tại phiên tòa 05/4/2021)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1971

+ Bà Nguyễn Thị X – sinh năm 1976

+ Anh Nguyễn Huy H – sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Số 05, ngõ 3, tổ Hướng, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B.

(Bà X và anh H vắng mặt tại phiên tòa. Ông T có mặt tại phiên tòa 05/3/2021, vắng mặt tại phiên tòa 05/4/2021)

- Văn phòng công chứng Xương Giang; địa chỉ: Số 396, đường Lê Lợi, phường H Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D – Trưởng Văn phòng

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, anh Bùi Văn D là nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/6/2020, tại Văn phòng Công chứng Xương Giang, anh và chị Nguyễn Hà Tr có ký kết hợp đồng đặt cọc với nội dung: Chị Tr đồng ý chuyển nhượng cho anh quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34 (đo đạc năm 2009) tại Tổ dân phố Hướng, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B, diện tích 145,3m^2 với giá 401.000.000 đồng (Bốn trăm linh một triệu đồng chẵn). Chị Tr là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất nói trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 387811 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/9/2017 (chỉnh lý tại mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Anh đặt cọc cho chị Tr số tiền 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn), số tiền còn lại là 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng) sẽ thanh toán nốt khi ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng. Thời hạn để thực hiện việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất từ ngày 26/6/2020 đến hết ngày 20/7/2020. Nếu anh không mua quyền sử dụng đất nữa thì anh chịu mất số tiền 285.000.000 đã đặt cọc. Nếu chị Tr không đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì bất cứ lý do gì thì chị Tr phải trả anh toàn bộ số tiền đã đặt cọc và chịu phạt cọc bằng số tiền anh đã đặt cọc. Số tiền đặt cọc 285.000.000 đồng anh đã bàn giao trực tiếp cho chị Tr, việc chị Tr sử dụng số tiền trên như thế nào thì anh không biết. Anh và chị Tr không viết thêm giấy giao nhận tiền.

Sau khi đặt cọc, anh đã liên tục yêu cầu chị Tr thực hiện việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chị Tr không thực hiện, vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng đặt cọc nói trên. Anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B buộc chị Tr thực hiện Hợp đồng đặt cọc ngày 26/6/2020 đã ký kết tại Văn phòng công chứng Xương Giang về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ số 05, ngõ 3, tổ Hướng, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B. Trường hợp chị Tr không thực hiện việc chuyển nhượng nhà và đất trên, buộc chị Nguyễn Hà Tr trả lại anh số tiền đặt cọc 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền phạt cọc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Toàn bộ số tiền đặt cọc cho chị Tr là tài sản riêng của anh, không liên quan gì đến bất cứ cá nhân, tổ chức nào khác.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ ngày 22/1/2021 anh D xin rút yêu cầu buộc chị Tr thực hiện theo Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ số 05, ngõ 3, tổ Hướng, phường Thọ

Xương, thành phố B, tỉnh B; giữ nguyên yêu cầu buộc chị Tr trả lại số tiền đặt cọc 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) và trả số tiền phạt cọc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (bố, mẹ đẻ của chị Tr) trình bày: Gia đình đã nhận được thông báo thụ lý và Giấy triệu tập của chị Tr nhưng do bận công việc, chị Tr không thể sắp xếp thời gian đến Tòa làm việc được. Chị Tr có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 5, ngõ 3, tổ dân phố Hướng, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B cùng gia đình nhưng hiện đang sinh sống và làm việc tại Hà Nội. Gia đình không biết địa chỉ hiện tại của chị Tr ngoài Hà Nội.Chị Tr là chủ sử dụng, chủ sở hữu hợp pháp nhà đất tại địa chỉ trên. Người sử dụng hiện tại là bà X, ông T và anh Nguyễn Huy H (bố mẹ và em trai chị Tr).

Ngoài ra, ông T còn khai bổ sung: Ngày 26/6/2020, chị Tr có ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 33 nói trên cùng toàn bộ tài sản trên đất cho anh Bùi Văn D. Ông cùng chị Tr có mặt tại Văn phòng Công chứng Xương Giang để ký hợp đồng đặt cọc. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc gì. Số tiền đặt cọc ghi trong hợp đồng là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) là đúng. Chị Tr đã nhận tiền đặt cọc của anh D và thống nhất thỏa thuận: muộn nhất là vào ngày 20/7/2020, chị Tr sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 33 nói trên cho anh D. Nếu chị Tr không đồng ý ký hợp đồng thì chị Tr phải hoàn trả anh D số tiền đã đặt cọc là 285.000.000 đồng và phải chịu phạt cọc là 285.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng đặt cọc, vì nhiều lý do, chị Tr không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cũng chưa trả tiền cọc cho anh D. Số tiền đặt cọc của anh D, chị Tr đã sử dụng để Tr trải công nợ cho gia đình.

Bị đơn là chị Nguyễn Hà Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Huy H đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

* Tại phiên tòa ngày 08/2/2021, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị đưa Văn phòng Công chứng Xương Giang vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Văn bản ngày 8/2/2021, ông Trần Văn D – đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng Xương Giang trình bày: Ngày 26/6/2020, tại Văn phòng Công chứng Xương Giang, anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Hà Tr có ký kết hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Toàn bộ nội dung của Bản

sao hợp đồng đặt cọc mà anh D cung cấp cho Tòa án trùng khớp với Bản hợp đồng mà Văn phòng Công chứng hiện còn lưu giữ. Anh D, chị Tr trực tiếp có mặt tại Văn phòng công chứng Xương Giang tại thời điểm giao kết hợp đồng. Hai bên đọc kỹ hợp đồng; thống nhất với nội dung của hợp đồng và trực tiếp ký hợp đồng trước mặt công chứng viên. Văn phòng công chứng Xương Giang xác định Hợp đồng đặt cọc ngày 26/6/2020 giữa anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Hà Tr tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung. Văn phòng công chứng Xương Giang xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 5/3/2021:

Bà X, anh H, đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Xương Giang vắng mặt.

Anh Bùi Văn D trình bày: Do thông cảm với hoàn cảnh kinh tế của gia đình chị Tr, anh xin rút yêu cầu buộc chị Tr thực hiện hợp đồng đặt cọc ký ngày 26/6/2020 tại Văn phòng công chứng Xương Giang; rút yêu cầu buộc chị Tr trả số tiền phạt cọc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Anh chỉ còn duy nhất yêu cầu khởi kiện là buộc chị Tr trả lại anh số tiền đặt cọc 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Chị Nguyễn Hà Tr trình bày: Việc chị ký hợp đồng đặt cọc với anh D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chị đã nhận đủ số tiền đặt cọc như anh D trình bày và dùng vào việc gia đình. Chị đồng ý trả anh D số tiền 285.000.000 đồng mà anh D đã đặt cọc nhưng đề nghị Tòa án cho thêm thời gian 1 tháng để thu xếp tiền để trả tiền đặt cọc cho anh D. Chị xác định việc vi phạm hợp đồng đặt cọc hoàn toàn do lỗi phía chị. Nếu trong thời hạn một tháng kể từ ngày 5/3/2021, chị không trả anh D đủ 285.000.000 đồng thì chấp nhận mọi phán quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Đề nghị Tòa án và anh D tạo điều kiện tạm ngừng phiên tòa 1 tháng cho chị Tr và gia đình thu xếp nguồn tiền trả anh D.

Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa theo đề nghị của anh D, chị Tr, ông T và Đại diện VKS nhân dân thành phố B để các bên thỏa thuận việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 5/4/2021:

Bị đơn và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Anh D trình bày: Đến ngày hôm nay, chị Tr chưa thanh toán cho anh đồng nào. Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Tr trả lại anh số tiền đặt cọc 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Anh xin rút yêu cầu buộc chị Tr thực hiện hợp đồng đặt cọc ký ngày 26/6/2020 tại Văn phòng công chứng Xương Giang; rút yêu cầu buộc chị Tr trả số tiền phạt cọc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn và Văn phòng công chứng Xương Giang chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác chưa chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

+ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh D về việc buộc chị Tr thực hiện Hợp đồng đặt cọc ngày 26/6/2020 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ số 05, ngõ 3, tổ Hướng, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B.

+ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh D về việc buộc chị Tr trả số tiền phạt cọc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

+ Buộc chị Tr phải trả anh D số tiền đặt cọc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng)

+ Buộc chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; hoàn trả anh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1].Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Xương Giang đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Huy H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Chị Nguyễn Hà Tr và ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa ngày 5/3/2021, được thông báo và tống đạt hợp lệ Quyết định tạm ngừng phiêp tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 5/4/2021 không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với những người trên là đảm bảo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện hợp đồng đặt cọc, yêu cầu trả tiền đặt cọc và tiền phạt cọc nên quan hệ pháp luật trong vụ án là là "Tranh chấp về hợp đồng (cụ thể là hợp đồng đặt cọc" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa bàn thành phố B phù hợp với địa chỉ của bị đơn ghi trong hợp đồng đặt cọc nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện hợp đồng đặt cọc ngày 26/6/2020; buộc bị đơn trả tiền phạt cọc là 285.000.000 đồng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút các yêu cầu này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ giải quyết các yêu cầu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền đặt cọc 285.000.000 đồng:

Căn cứ lời khai các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Ngày 26/6/2020, tại Văn phòng Công chứng Xương Giang, anh Bùi Văn D (nguyên đơn) và chị Nguyễn Hà Tr (bị đơn) tự nguyện ký kết hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng được lập thành văn bản, được công chứng theo đúng quy định pháp luật về công chứng, chứng thực. Tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc, chị Nguyễn Hà Tr là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34 tại Tổ dân phố Hướng, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B và là chủ sở hữu toàn bộ tài sản trên đất nên đủ điều kiện giao kết hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng tài sản trên. Do vậy, Hợp đồng đặt cọc giữa anh D và chị Tr ngày 26/6/2020 tại Văn phòng công chứng Xương Giang được xác định có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự 2015.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh D đặt cọc cho chị Tr số tiền 285.000.000 đồng, trong hạn từ ngày 26/6/2020 đến hết ngày 20/7/2020, chị Tr có nghĩa vụ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 33 nói trên cho anh D, giá chuyển nhượng là 401.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị Tr đã không thực hiện theo thỏa thuận này. Anh D và chị Tr đều thống nhất xác định việc vi phạm hợp đồng đặt cọc hoàn toàn do lỗi của chị Tr.

Tại mục 3.4 của Hợp đồng đặt cọc ngày 26/6/2020, hai bên đã thỏa thuận việc giải quyết vi phạm hợp đồng đặt cọc như sau:

"3.4. Cũng sau thời hạn đặt cọc, nếu bên B (tức chị Tr) không bán đất cho bên A (túc anhD) nữa vì bất kỳ lý do nào thì bên B phải trả tiền cho bên A toàn bộ số tiền mà bên A đã đưa cho bên B nói trên, đồng thời bên B phải trả thêm một khoản tiền phạt bằng số tiền mà bên A đã đưa cho bên B (tức là bên B phải trả gấp đôi số tiền đã nhận của bên A)….."

Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đặt cọc 285.000.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 3.4 trong Hợp đồng đặt cọc đã ký kết ngày 26/6/2020, phù hợp với Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng

dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; cần hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Bùi Văn D về việc buộc chị Nguyễn Hà Tr thực hiện Hợp đồng đặt cọc ký kết ngày 26/6/2020 tại Văn phòng công chứng Xương Giang về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền thửa đất số 33, tờ bản đồ số 34, tổ dân phố Hướng, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Bùi Văn D về việc buộc chị Nguyễn Hà Tr trả số tiền phạt cọc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

3. Buộc chị Nguyễn Hà Tr trả anh Bùi Văn D số tiền đặt cọc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hà Tr phải chịu 14.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Bùi Văn D số tiền tạm ứng án phí 13.700.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001666 ngày 30/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang

4